

Ngày 30/09/2025	30,650 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.8%	26.7%	37.1%

	Q3/25	
ROE	10.1%	+/- YoY ▲ 3.9%

	Q3/25		
DT thuần	5,484	QoQ ▲ 768 ▲ 16.3%	YoY ▼ 169 ▼ 3.0%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	14,216	YoY ▼ 228 ▼ 1.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	275	QoQ ▲ 71.0 ▲ 34.7%	YoY ▲ 16.0 ▲ 6.1%
	tỷ VNĐ		

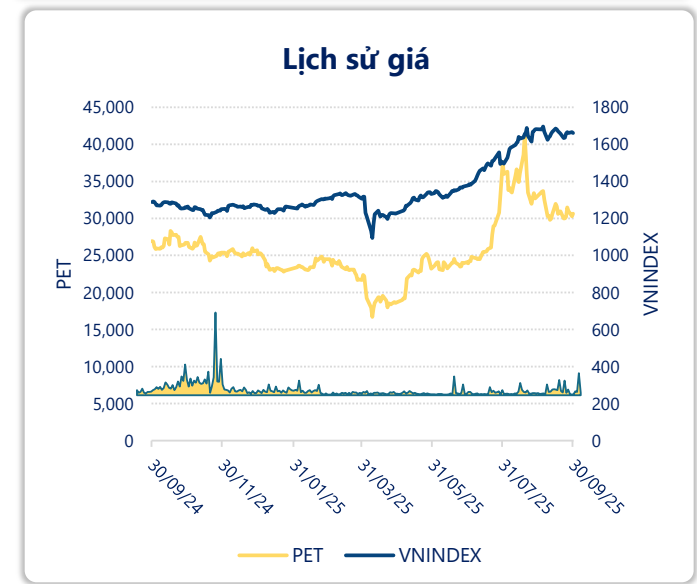
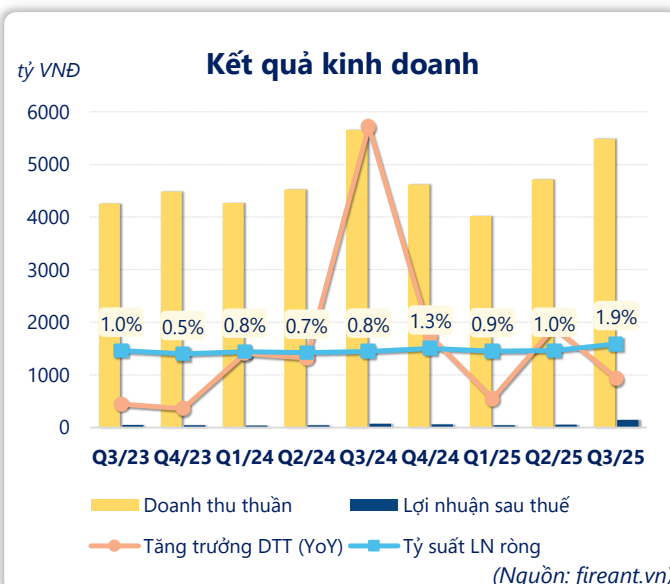
	9T 2025	
LN gộp	671	YoY ▲ 19.0 ▲ 2.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	181	QoQ ▲ 109 ▲ 151%	YoY ▲ 97.6 ▲ 117%
	tỷ VNĐ		

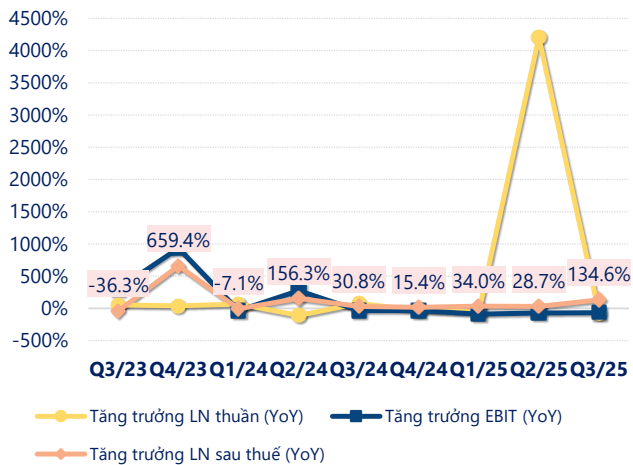
	9T 2025	
LN thuần	311	YoY ▲ 117 ▲ 60.0%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	145	QoQ ▲ 87.4 ▲ 152%	YoY ▲ 70.5 ▲ 94.8%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	248	YoY ▲ 89.0 ▲ 56.1%
	tỷ VNĐ	

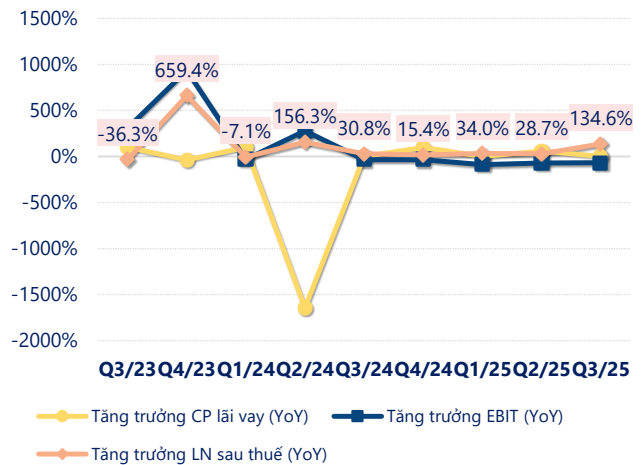


Tăng trưởng lợi nhuận



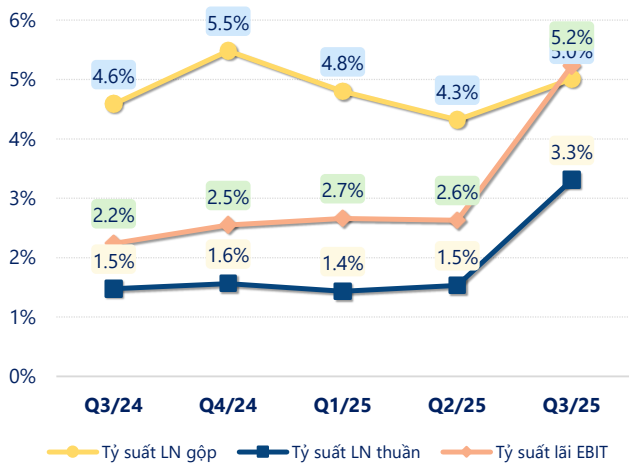
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



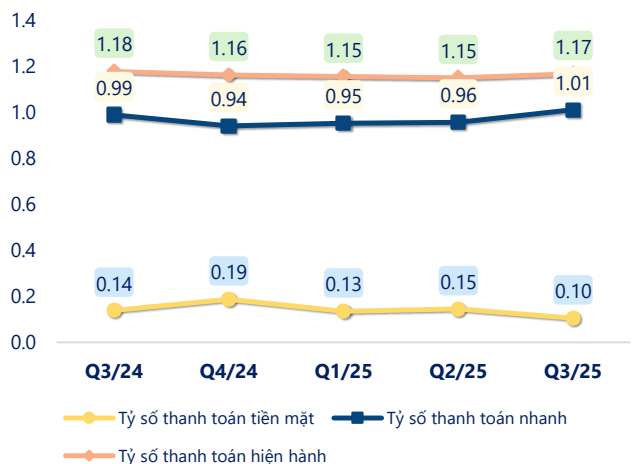
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



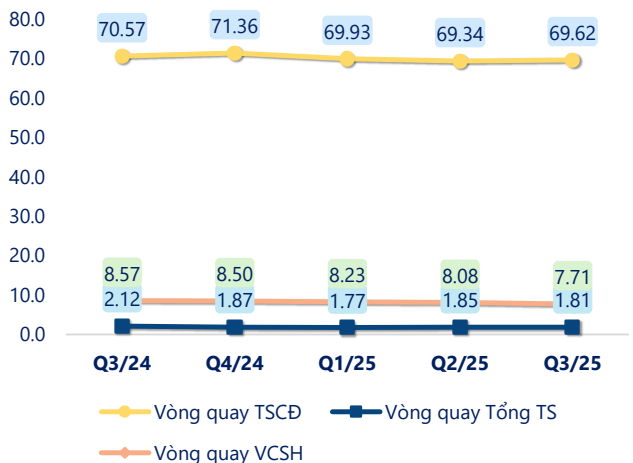
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



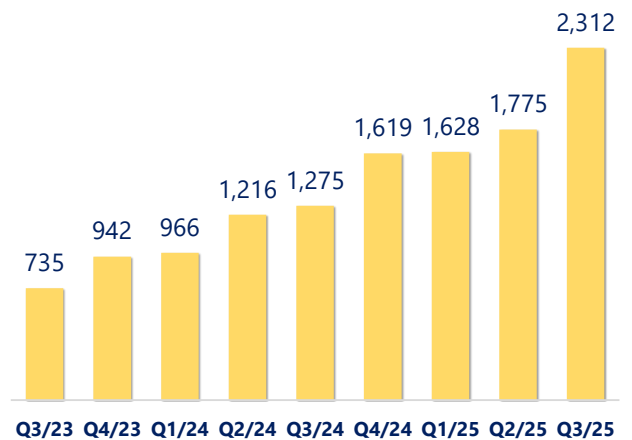
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,484	5,653	-3.0%	14,216	14,444	-1.6%
Giá vốn hàng bán	5,209	5,394	-3.4%	13,545	13,792	-1.8%
Lợi nhuận gộp	275	259	6.1%	671	652	2.9%
Doanh thu HĐTC	153	60.5	152%	326	138	137%
Chi phí TC	78.1	39.8	96.3%	206	123	66.8%
Chi phí lãi vay	104	34.9	197%	196	105	86.2%
LN trong công ty LKLD	-2.50	0.00		-5.91	-8.33	29.1%
Chi phí bán hàng	128	138	-7.2%	320	318	0.8%
Chi phí QLDN	37.4	58.7	-36.2%	154	146	5.4%
LN thuần từ HĐKD	181	83.4	117%	311	194	60.0%
Lợi nhuận khác	2.08	8.29	-74.9%	10.7	11.4	-5.9%
LN trước thuế	183	91.7	100%	322	206	56.4%
Lợi nhuận sau thuế	145	74.5	94.8%	248	159	56.1%
LNST của CĐ cty mẹ	105	47.9	120%	187	113	65.1%

(Nguồn: fireant.vn)

